

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN B  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **428 /2021/QĐST-HNGĐ**

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B**

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 408 /TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**\* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

**Anh Trương Văn T, sinh năm 1989**

HKTT và nơi ở: 45 ngõ 112 N, phường G, quận B, thành phố Hà Nội.

**Chị Nguyễn Thị Kiều A, sinh năm 1990**

HKTT: 45 ngõ 112 N, phường G, quận B, thành phố Hà Nội.

Nơi ở: 17 ngõ 105 đường H, phường P, quận B, thành phố Hà Nội

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Anh Trương Văn T và chị Nguyễn Thị Kiều A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có qua tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình cho tổ chức cưới, có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, quận B, thành phố Hà Nội vào ngày 29/4/2014.

[2] Anh Trương Văn T và chị Nguyễn Thị Kiều A yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn vì cả hai đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trở lên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có. Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của hai bên được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Trương Văn T và chị Nguyễn Thị Kiều A có 01 con chung là: cháu Trương Tùng A, sinh ngày 28/8/2014

Khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận: Giao cháu Trương Tùng A cho chị Nguyễn Thị Kiều A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trương Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)/ tháng, kể từ tháng 7 /2021 cho đến khi con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh Trương Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

[4]. Về tài sản chung và nhà ở chung: Hai bên xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nhà ở chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về các vấn đề khác: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về Lệ phí Tòa án: Anh Trương Văn T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí Ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trương Văn T và chị Nguyễn Thị Kiều A.

- **Về con chung:** Anh Trương Văn T và chị Nguyễn Thị Kiều A có 01 con chung là: cháu Trương Tùng A, sinh ngày 28/8/2014.

Khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận: Giao cháu Trương Tùng A cho chị Nguyễn Thị Kiều A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trương Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)/ tháng, kể từ tháng 7 /2021 cho đến khi con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh Trương Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung:** Hai bên xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nhà ở chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về các vấn đề khác:** Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Về Lệ phí Tòa án:** Anh Trương Văn T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí yêu cầu giải quyết việc Dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí yêu cầu giải quyết việc Dân sự đã nộp theo biên lai số 0067293 ngày 12 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B.

**3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.**

**Nơi nhận:**

- VKSND quận B;
- UBND phường G
- Quận B, TP Hà Nội
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH**

**Thẩm phán**

**Nguyễn Thị Thu Trang**